

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

DỰ THẢO

Ngày 18 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần chưa thanh toán đầy đủ	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 11. Quyền của cổ đông	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Thay đổi các quyền của cổ phần ưu đãi	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Điều kiện để quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	21
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	31
Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 28. Ủy ban kiểm toán	35
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	36
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	36
Điều 30. Cán bộ Quản lý	36
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	36
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	37
IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	38
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng	38

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 36. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	40
XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 37. Công nhân viên và công đoàn	41
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	41
Điều 38. Phân phối lợi nhuận	41
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	42
Điều 39. Tài khoản ngân hàng	42
Điều 40. Năm tài chính	42
Điều 41. Chế độ kế toán	42
XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	43
Điều 42. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	43
Điều 43. Báo cáo thường niên	43
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 44. Kiểm toán	43
XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	44
Điều 45. Dấu của doanh nghiệp	44
XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY	44
Điều 46. Giải thể và chấm dứt hoạt động	44
Điều 47. Gia hạn hoạt động	44
Điều 48. Thanh lý	44
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	46
Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	46
XX. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 51. Ngày hiệu lực	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2026 (“Ngày hiệu lực”). Bản Điều lệ này có đầy đủ hiệu lực và áp dụng từ Ngày hiệu lực, thay thế toàn bộ điều lệ, phụ lục đã ban hành trước Ngày hiệu lực.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” được quy định trong Điều lệ này là Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động, tên viết tắt là MWI Corp;
 - b. “Công ty Con” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; hoặc (b) Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó;
 - c. “Vốn Điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi tại từng thời điểm);
 - e. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi tại từng thời điểm);
 - f. “Ngày Thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - g. “Nghị định 155” có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;
 - h. “Thành viên Ban Giám đốc” có nghĩa là Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - i. “Cán bộ Quản lý” có nghĩa là các vị trí quản lý khác trong Công ty do Tổng Giám đốc bổ nhiệm;
 - j. “Người Có Liên Quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức thuộc một trong các trường hợp được quy định theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán đang được áp dụng;
 - k. “Thời hạn Hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

1. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; và
- m. “Tỷ lệ sở hữu nước ngoài” là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần tính trên vốn điều lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trong Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG
 - Tên tiếng Anh: Mobile World Investment Corporation
 - Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG
 - Tên viết tắt: MWI Corp
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại: 028-38125960
 - Địa chỉ email: investor@thegioididong.com
 - Website: www.mwg.vn
4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
5. Trong phạm vi tối đa mà pháp luật hiện hành cho phép, Hội đồng quản trị của Công ty có quyền thay đổi trụ sở hoặc mở văn phòng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc các trụ sở khác của Công ty tại Việt Nam hoặc bất kỳ nơi nào khác theo quy định của pháp luật.
6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 46 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 47 Điều lệ này, Thời hạn Hoạt động của Công ty bắt đầu từ Ngày Thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập vì mục đích thu lợi nhuận và tham gia vào các hoạt động kinh doanh nêu tại Khoản 2 Điều 3 Điều lệ này và các hoạt động kinh doanh khác vào từng thời điểm theo quy định của pháp luật.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn kiểm toán, kế toán)	7020 (Chính)
2	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu)	4651
3	Bán lẻ thực phẩm (trừ bán lẻ gạo, đường)	4722
4	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu)	4652
5	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế. (trừ hoạt động liên quan đến kiểm toán, kế toán).	6920
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
7	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; tài chính.	6619

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **14.696.931.770.000 đồng** (mười bốn nghìn sáu trăm chín mươi sáu tỷ chín trăm ba mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.469.693.177 (một tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn một trăm bảy mươi bảy) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào Ngày hiệu lực đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 (hai mươi) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ khi pháp luật có quy định khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c. Cổ phần chào bán để (i) thực hiện chuyển đổi khoản vay, trái phiếu chuyển đổi hay các chứng khoán có chức năng chuyển đổi thành cổ phần do Công ty phát hành, (ii) thực hiện các quyền chọn mua, quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công ty đã cam kết, hoặc (iii) thực hiện các cam kết khác của Công ty;

d. Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành; hoặc

e. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu dưới hình thức văn bản hoặc dữ liệu điện tử tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu dưới hình thức văn bản phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu dưới hình thức dữ liệu điện tử sẽ tuân theo quy định của pháp luật liên quan. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu chứng nhận cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra đề nghị bằng văn bản cho Công ty với nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp kèm theo bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và phải thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp chứng nhận cổ phiếu mới cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát

hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.

3. Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của cổ đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc được hưởng lợi đối với số cổ phần liên quan; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của cổ đông đã chết khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi cổ phần chưa thanh toán đầy đủ

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp theo quy định pháp luật.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh và thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ theo mức lãi suất cơ bản được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; và
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đến Công ty;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đến Công ty, trừ trường hợp các nội dung này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác mà cổ đông có thể tiếp cận được;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và

1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và

d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

4. Ngoài các quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ít nhất 10 (mười) ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua thiết bị điện tử có kết nối mạng (theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ này), hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.

e. Cổ đông có thể ủy quyền thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký, cam kết mua theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

5. Cung cấp chính xác địa chỉ liên lạc (địa chỉ cư trú, thư điện tử (email)) và số điện thoại khi đăng ký mua cổ phần.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản 8 Điều 12 Điều lệ này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo

tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm của Công ty. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo bán niên hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất 1/2 (một phần hai) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và bên cạnh các nội dung khác theo quy định của pháp luật, phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; và
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này; và

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó; và
 - d. Kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Công ty và định hướng phát triển của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - b. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - e. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - f. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - g. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - h. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các cổ đông của Công ty;
 - j. Quyết định giao dịch đầu tư, bán, chuyển nhượng, cho thuê, hoặc định đoạt tài sản của Công ty (không phải là việc bán các sản phẩm mà Công ty kinh doanh) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất như vậy trong bất kỳ thời hạn 12 (mười hai) tháng nào (nếu có) mà giá thị trường hợp lý hoặc giá trị trong giao dịch được đề nghị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);
 - k. Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
1. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán;

n. Quyết định việc tạo lập các loại cổ phần, quyền lợi, quyền ưu đãi và đặc quyền của mỗi loại cổ phần; số lượng cổ phần được phát hành đối với mỗi loại, bao gồm các chương trình thưởng cổ phần, mua cổ phần hoặc quyền chọn mua cổ phần dành cho nhân viên;

o. Phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc các trái phiếu kèm chứng quyền khác cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;

p. Quyết định giao dịch đầu tư, giao dịch mua lại cổ phần hoặc chứng khoán khác của bất kỳ công ty nào khác hoặc việc đầu tư vào sở hữu bất động sản với mỗi giao dịch có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

q. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

r. Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155;

t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người Có Liên Quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; và

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người Có Liên Quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền thì cổ đông đó phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Người được ủy quyền của cổ đông không được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào khác. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp; và

c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

2. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền của cổ phần ưu đãi

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) tham dự họp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó tham dự họp hoặc qua người đại

diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; và

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng văn bản qua bưu điện hoặc qua thư điện tử hoặc qua tin nhắn theo thông tin chính xác mà cổ đông cung cấp, đồng thời thông báo phải công bố trên phương tiện thông tin theo quy định của pháp luật. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử chứa toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c. Phiếu biểu quyết; và

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; hoặc

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng thiết bị điện tử có kết nối mạng với điều kiện mỗi cổ đông phải nghe được những cổ đông khác có mặt trực tiếp tại Đại hội và các cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì cổ đông này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp này, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.

3. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Điều lệ này trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp huỷ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số lượng cổ đông cần thiết theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp huỷ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trực tiếp hoặc trực tuyến trên cơ sở thông tin đã được xác thực (KYC) và thẩm tra tư cách cổ đông hợp lệ; việc đăng ký cổ đông được thực hiện liên tục cho đến khi kết thúc cuộc họp. Cổ đông hoặc người đại diện có quyền dự họp đến sau khi đại hội khai mạc vẫn có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký thành công.

2. Khi hoàn tất thủ tục đăng ký, cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết (nếu dự họp trực tiếp) hoặc quyền truy cập hệ thống biểu quyết (nếu dự họp trực tuyến/trực tiếp) có thể hiện thông tin định danh và số phiếu biểu quyết của mình. Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng cách chọn một trong ba phương án: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến trong Thẻ biểu quyết hoặc thông qua hệ thống biểu quyết. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu (dạng vật lý hoặc dữ liệu điện tử) thể hiện ý kiến của cổ đông được gửi lại hoặc được hệ thống biểu quyết ghi nhận thành công trong thời hạn quy định tại Quy chế/Chương trình họp. Đại hội bầu Ban kiểm phiếu để thực hiện hoặc giám sát việc kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc thư ký cuộc họp thay mặt Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đó hoàn thành việc đăng ký không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc trong vòng 15 (mười lăm) phút sau thời điểm cuộc họp dự kiến bắt đầu, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa trong vòng 30 (ba mươi) phút sau thời điểm cuộc họp dự kiến bắt đầu, thành viên Hội đồng quản trị có mặt và có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

7. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

8. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

9. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; hoặc

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

10. Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

11. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, và/hoặc cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp, người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; hoặc

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể:

a. Thông báo cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); và

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điểm a Khoản 9 Điều 19 Điều lệ này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Khoản 10 Điều 19 Điều lệ này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

15. Thành viên Hội đồng quản trị, cho dù người này không là cổ đông, có quyền tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Điều kiện để quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Các nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và 4 Điều 20, Khoản 8 Điều 21 và Điều 16 Điều lệ này:

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và 4 Điều 20, Khoản 8 Điều 21 và Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này, nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Quyết định giao dịch đầu tư, bán, chuyển nhượng, cho thuê, hoặc định đoạt tài sản của Công ty (không phải là việc bán các sản phẩm mà Công ty kinh doanh) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất như vậy trong bất kỳ thời hạn 12 (mười hai) tháng nào (nếu có) mà giá thị trường hợp lý hoặc giá trị trong giao dịch được đề nghị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của

Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f. Xem xét và quyết định các biện pháp xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các cổ đông của Công ty;

g. Mua lại hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc các trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;

i. Quyết định giao dịch đầu tư, giao dịch mua lại cổ phần hoặc chứng khoán khác của bất kỳ công ty nào khác hoặc việc đầu tư vào sở hữu bất động sản với mỗi giao dịch có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật); và

j. Các vấn đề nêu tại Điểm b và d Khoản 5 Điều 5; Khoản 1 Điều 16; và Khoản 2 Điều 47 Điều lệ này.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm:

a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được chào bán;

c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;

d. Quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn giao dịch đầu tư, bán, chuyển nhượng, cho thuê, hoặc định đoạt tài sản của Công ty (không phải là việc bán các sản phẩm mà Công ty kinh doanh) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất như vậy trong bất kỳ thời hạn 12 (mười hai) tháng nào (nếu có) mà giá thị trường hợp lý hoặc giá trị trong giao dịch được đề nghị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được

ghi trong báo cáo tài chính của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

e. Xem xét và quyết định các biện pháp vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các cổ đông của Công ty;

f. Phát hành quyền chọn mua và quyền chọn bán cho các cổ phần của Công ty; và

g. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết, quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử (email) hoặc số điện thoại đã đăng ký của từng cổ đông có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Căn Cước Công Dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là người ký và/hoặc gửi phiếu lấy ý kiến, phiếu lấy ý kiến phải được gửi cùng văn bản ủy quyền, bản sao có chứng thực giấy tờ pháp lý của người được ủy quyền.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết/quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu, hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, và thông qua nghị

quyết đó không được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (theo quyết định của chủ tọa cuộc họp) và có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý ưu tiên áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản họp (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 20 và Khoản 9 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết/quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 05 (năm) người, không vượt quá 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 04 (bốn) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 04 (bốn) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có các tiêu chuẩn và các điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không có tiền án, tiền sự và không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không đồng thời là:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, trưởng phòng/ban, Kế toán trưởng và Người Có Liên Quan của những người đó của bất cứ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty ngoại trừ các Công ty Con của Công ty; hoặc
- Là cổ đông hoặc Người Có Liên Quan của cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng cổ phần phổ thông (hoặc tổng phần vốn góp) trở lên của bất kỳ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty ngoại trừ các Công ty Con của Công ty;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống; và

e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật .

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Thành viên Ban Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Phê chuẩn và chỉ đạo chiến lược, kế hoạch hành động chính, chính sách quản lý rủi ro, ngân sách và xác lập các mục tiêu hoạt động theo Điểm b Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này;

b. Xem xét và đề xuất các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Công ty để đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông quyết định;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định thù lao, lương, thưởng hoặc các lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Tổng giám đốc cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Tổng giám đốc;

e. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc các trái phiếu kèm chứng quyền mà cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;

g. Quyết định giá chào bán trái phiếu chuyển đổi, cổ phần, các chứng khoán chuyển đổi và các điều khoản và điều kiện cụ thể của từng loại trái phiếu, cổ phần, các chứng khoán chuyển đổi đó trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác (bao gồm các Thành viên Ban Giám đốc) trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

l. Xem xét và trình báo cáo tài chính thường niên lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Quyết định việc ký kết bất kỳ một hoặc một nhóm hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu và hợp đồng khác (không phải là các giao dịch quy định theo các Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 và Điểm n Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này) mà giá trị cộng dồn của (các) hợp đồng đó của Công ty có trị giá hoặc có khả năng dẫn đến chi phí mà Công ty phải trả bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm hợp nhất của Công ty gần nhất được kiểm toán;

n. Quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn bất kỳ việc bán tài sản nào của Công ty (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j và m Khoản 2 Điều 14 và Điểm e Khoản 4 Điều 25 Điều lệ này) với giá thị trường hợp lý hoặc giá trị giao dịch dự kiến vượt quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

o. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ thích hợp của công ty;

p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- r. Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo tài chính và kế toán của Công ty, kể cả công tác kiểm toán độc lập và đảm bảo các hệ thống kiểm soát phù hợp được thiết lập, đặc biệt là các hệ thống giám sát rủi ro, kiểm soát tài chính, và giám sát việc tuân thủ pháp luật; và
- s. Quyết định việc phát hành trái phiếu, trái phiếu được bảo đảm và các chứng khoán nợ khác của Công ty, trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- t. Quyết định phương án huy động vốn, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu, và phương án trả nợ gốc, lãi trái phiếu.
- u. Quyết định việc mua lại cổ phiếu của người lao động theo phương án phát hành chương trình lựa chọn cho người lao động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT được toàn quyền quyết định phương án bán số cổ phiếu đã được Công ty mua lại này (bao gồm quyết định thời điểm bán, đối tượng chào bán, giá bán cụ thể) bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- v. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, cũng như những quyền và nghĩa vụ khác được pháp luật quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a) Thành lập các Công ty Con, chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty (ngoại trừ việc thành lập chi nhánh làm cửa hàng bán lẻ, các cửa hàng bán lẻ trực thuộc một chi nhánh, văn phòng, kho bãi tại Việt Nam sẽ giao cho Tổng giám đốc quyết định) trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam cũng như việc đầu tư vào các công ty khác (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này) phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
- b) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng/giao dịch của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm không giới hạn các giao dịch mua, bán, sáp nhập, chia tách công ty và/hoặc đầu tư liên doanh, cho vay và các giao dịch khác)
- c) Quyết định việc chỉ định, ủy quyền và chấm dứt ủy quyền đối với đại diện thương mại, Luật sư và các đại diện theo ủy quyền khác của Công ty tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác;
- d) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này);

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này);

f) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần;

h) Quyết định mức giá mua lại cổ phần hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; và

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, Thành viên Ban Giám Đốc và những Cán bộ Quản lý khác trong năm tài chính..

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ này quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, Thành viên Ban Giám Đốc và các Cán bộ Quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty Con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh

trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;
- g) Kiến nghị Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc hoặc Kế toán trưởng. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Kế toán trưởng;
- h) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng giám đốc, các Thành viên Ban Giám Đốc khác hoặc Cán bộ Quản lý khác trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ này, quy chế quản trị nội bộ của Công ty, và/hoặc các quy chế khác được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị ban hành để hạn chế những tổn thất cho Công ty và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có quyết định chính thức về việc đình chỉ quyết định liên quan của Tổng giám đốc, các Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó; và
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp 01 (một) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ Quản lý khác;
- b. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị; hoặc
- c. Đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; (những) người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 9 Điều 27 Điều lệ này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, thiết bị điện tử có kết nối mạng hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp và phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Hình thức tham dự này được xem như đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện; hoặc

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu một thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này có thể ủy quyền cho một người đại diện cho mình bằng văn bản (có thể là hoặc không phải là một thành viên Hội đồng quản trị khác) để dự họp và biểu

quyết trong cuộc họp đó với điều kiện là việc ủy quyền đó phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một cuộc họp Hội đồng quản trị cụ thể hoặc bất kỳ cuộc họp Hội đồng quản trị nào cho đến khi có thông báo khác của thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tại trụ sở Công ty trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu bầu cho mỗi thành viên mà người này đại diện và một phiếu bầu riêng của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một thành viên Hội đồng quản trị.

10. Trong trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị có thể cho phép người khác tham dự cuộc họp để phiên dịch, cố vấn, và hỗ trợ tư vấn tại các cuộc họp Hội đồng quản trị với điều kiện là những người đó phải cam kết tuân theo những yêu cầu bảo mật theo quy định của Công ty.

11. Hội đồng quản trị có quyền thành lập các tiểu ban trực thuộc để thực hiện các công việc do Hội đồng quản trị giao. Thành viên các tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. Tiểu ban chỉ có chức năng giúp việc cho Hội đồng quản trị, không có quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

12. Việc thực thi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này và quy chế nội bộ về quản trị công ty.

13. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

14. Biểu quyết.

a. Trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 14 Điều 27 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 14 Điều 27 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến

vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; và

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 34 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

15. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

16. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50% (năm mươi phần trăm)). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

17. Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp thông qua hội nghị trực tuyến, thiết bị điện tử có kết nối mạng hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 27 Điều lệ này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

18. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp.

19. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên và chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản và các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Điều 28. Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có ít nhất 02 (hai) thành viên, số lượng và thành viên cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, đồng thời Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán không phải là Thành viên Ban Giám đốc hoặc Cán bộ

Quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị thông qua và ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Công ty.

3. Ủy ban kiểm toán thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy chế hoạt động được Hội đồng quản trị thông qua và theo quy định pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự chịu sự giám sát, lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc và/hoặc các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ.

Điều 30. Cán bộ Quản lý

1. Theo quyết định của Tổng giám đốc và phù hợp với cơ cấu tổ chức do Hội đồng quản trị phê duyệt, Công ty được tuyển dụng Cán bộ Quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ Quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng đối với những Cán bộ Quản lý do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 04 (bốn) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

c. Quyết định số lượng Cán bộ Quản lý theo cơ cấu tổ chức được Hội đồng Quản trị phê duyệt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các Cán bộ Quản lý này, và quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ Quản lý đó;

d. Quyết định số lượng người lao động, việc tuyển dụng lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty;

f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính;

h. Quyết định những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

j. Ủy nhiệm, ủy quyền và bổ nhiệm các Cán bộ Quản lý trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Người được ủy nhiệm, ủy quyền và bổ nhiệm phải thực hiện nhiệm vụ được giao của mình và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao đó. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc vẫn là người chịu trách nhiệm cuối cùng trước Hội đồng quản trị; và

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

6. Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị với vai trò là quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Tổng giám đốc cũng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này; và

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm chức danh Thư ký Công ty.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những Người Có Liên Quan của những người này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân;

đồng thời chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác có nghĩa vụ (a) công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan và (b) thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị (i) tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và (ii) các giao dịch giữa Công ty, Công ty Con với chính đối tượng đó hoặc với những Người Có Liên Quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Công ty chỉ cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác không phải là cổ đông của Công ty và những Người Có Liên Quan tới các thành viên nêu trên khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Tùy thuộc vào Điểm m Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác hoặc những Người Có Liên Quan đến họ không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác đó hoặc những Người Có Liên Quan đến họ đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác đó hoặc những Người Có Liên Quan đến họ đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan; hoặc

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng

hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu (a) người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền, hoặc (b) người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện (i) người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và (ii) không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong trường hợp người đó:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp; và

b. Không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được tra cứu sổ sách và hồ sơ trong phạm vi quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này theo quy định tại Điểm e và f Khoản 2 và Điểm b Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này (tùy trường hợp áp dụng), trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ do đại diện được ủy quyền của cổ

đồng gửi phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc 01 (một) bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Thành viên Ban Giám đốc của Công ty có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 37. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 38. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Trong phạm vi Luật Doanh nghiệp quy định, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phần và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phần được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc

chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 41. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ban hành.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia phù hợp với quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 42. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập và công bố bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các phụ lục, thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 43. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 44. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty được thành lập tại Việt Nam của các đơn vị sau đây: PriceWaterhouseCoopers, Ernst & Young, KPMG, và Deloitte để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận

các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 45. Dấu của doanh nghiệp

1. Tổng Giám đốc quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty (bao gồm dấu cho Chi nhánh nếu có) và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 46. Giải thể và chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Khi kết thúc Thời hạn Hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn mà không có quyết định gia hạn khác;

b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 47. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc Thời hạn Hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn Hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 48. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc Thời hạn Hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia

độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày Thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty; và
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm d trên đây được phân chia cho các cổ đông. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc hoặc Cán bộ Quản lý khác của Công ty, thì

các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày thông tin, các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải và giải quyết tranh chấp tại trọng tài hoặc Tòa án. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 chương, 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động nhất trí thông qua vào Ngày hiệu lực cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty được ký dưới đây./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG
Người Đại Diện Theo Pháp Luật

VŨ ĐĂNG LINH